TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17/01/2023
V/v: "*Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình, ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Phước Tân;

Ông Võ Hoàng Nghiệp.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Chúc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 389/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc "*Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình, ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 874/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1003/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà A Mi N, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 37, ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Lâm R, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ 37, ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà A Mi N, ông Lâm R vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà A Mi N trình bày: Hôn nhân giữa bà A Mi N và ông Lâm R là do mai mối, yêu thương nhau, được hai bên gia đình đồng ý tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Q vào năm 2011 (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 166, quyển số 01/2021 do UBND xã Q, huyện A, tỉnh An Giang cấp ngày 21/9/2011). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến khoảng cuối năm 2014 vợ chồng bà A Mi N bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do ông Lâm R không chăm sóc gia đình, vợ chồng xảy ra cự cải do bất đồng ý kiến, không còn tiếng

nói chung trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cải nhau. Vào khoảng thời gian tháng 02/2014 vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng và sống ly thân từ đó đến nay.

Từ khi ly thân cho đến nay, hai bên không thể hàn gắn hàn gắn tình cảm. Nhận thấy, tình cảm dành cho ông Lâm R không còn nữa, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, bà A Mi N yêu cầu ly hôn với ông Lâm R.

Về con chung: Bà A Mi N cho biết bà và ông Lâm R không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong vụ án này kể từ khi thụ lý cho đến khi Tòa án ra thông báo phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì ông Lâm R vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử (HĐXX) nghĩ nên cần tiến hành việc xét xử mà không qua thủ tục hòa giải.

Tòa án tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để các bên tiếp cận, đương sự thống nhất với những tài liệu, chứng cứ mà mình cung cấp, không bổ sung thêm.

Biên bản xác minh ngày 19/10/2022 người thân bà A Mi N cung cấp: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà A Mi N, ông Lâm R là do ông Lâm R không chăm lo cho gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải nhau, bất đồng quan điểm sống, không còn tiếng nói chung gia đình cũng khuyên ngăn nhưng không ông Lâm R vẫn không sửa đổi, gia đình hai bên cũng có hàn gắn, nhưng ông Lâm R cũng không thay đổi; về con chung thì không con chung; tài sản chung, nợ chung bà không biết.

Theo Biên bản xác minh ngày 23/11/2022, ông Bùi Văn P – Trưởng Công an xã Q cung cấp: Hiện ông Lâm R vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương.

Tại phiên toà hôm nay: Bà A Mi N vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Lâm R vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi; thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sợ vụ án cho thấy hôn nhân của bà A Mi N, ông Lâm R có mâu thuẫn trầm trọng, hai bên đã ly thân nhưng không có thiện chí hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A Mi N theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Theo tài liệu, chứng cứ đã thu thập được và đương sự cung cấp bà A Mi N và ông Lâm R không có con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà A Mi N yêu cầu được ly hôn với ông Lâm R. Ông Lâm R cư trú tại huyện A, tỉnh An Giang nên được Tòa án thụ lý giải quyết theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà A Mi N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Lâm R được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà A Mi N, ông Lâm R theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự trong quá trình tố tụng thể hiện: Quan hệ hôn nhân giữa bà A Mi N và ông Lâm R do mai mối, được gia đình hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 166, quyển số 01/2021 do UBND xã Q, huyện A, tỉnh An Giang cấp ngày 21/9/2011 nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của bà A Mi N xin ly hôn với ông Lâm R. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà A Mi N và ông Lâm R phát sinh từ đầu cuối năm 2014, đến tháng 2/2014 thì bà A Mi N, ông Lâm R sống ly thân nhưng cho đến nay cả hai không có giải pháp hàn gắn. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ cho cả hai nhưng ông Lâm R không có mặt để hàn gắn. Cho thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa hai bên đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà A Mi N là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Do bà A Mi N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Bà A Mi N phải chịu án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà A Mi N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà A Mi N được ly hôn với ông Lâm R.

Giấy chứng nhận kết hôn số: Giấy chứng nhận kết hôn số 166, quyển số 01/2021 do UBND xã Q, huyện A, tỉnh An Giang cấp ngày 21/9/2011 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Bà A Mi N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng mà bà A Mi N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số: 0007108 ngày 28/9/2022.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

(*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).*

Nơi nhận:
- VKSND huyện (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện (1);
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Sang